

Đề kiểm tra 15 phút Toán 10 - Đề số 1

Bản quyền thuộc về VnDoc.

Ng nghiêm cấm mọi hình thức sao chép nhằm mục đích thương mại.

Câu 1: Cho tập $A = \{1, 2, 5, 7\}$ và $B = \{2, 3, 6, 7, 8\}$. Khi đó tập $A \cap B$ là:

- A. $\{1; 5\}$ B. $\{2; 7\}$ C. $\{3, 6, 8\}$ D. $\{1, 2, 3, 5, 6, 7, 8\}$

Câu 2: Tập xác định của hàm số $y = \frac{\sqrt{x-1}}{(x+3)\sqrt{x-2}}$

- A. $x \geq 1$ B. $x \geq 2$
C. $x \neq 3, x \geq 1$ D. $x > 2$

Câu 3: Trong các hàm số dưới đây, hàm số nào là hàm số chẵn?

- A. $y = x - 1$ B. $y = x^2 - 1$
C. $y = x^2 - x + 1$ D. $y = x^3 + x^2 + 8$

Câu 4: Đồ thị hàm số $y = 3x^2 + 2x - 1$ đi qua điểm nào sau đây?

- A. $(0, 2)$ B. $(-1, 1)$ C. $(1, 4)$ D. $(0, 1)$

Câu 5: Cho hàm số $y = -2x + 4$ có đồ thị là đường thẳng d. Đường thẳng nào sau đây song song với đường thẳng d

- A. $2x + y = 1$ B. $2x - y - 1 = 0$ C. $x - 2y - 1 = 0$ D. $x + 2y + 1 = 0$

Câu 6: Số tập con của tập $A = \{1, 3, 5\}$ là

- A. 4 B. 6 C. 8 D. 10

Câu 7: Tìm mệnh đề đúng:

- A. $\forall n \in \mathbb{N}, n^2 + 1$ không chia hết cho 3

B. $\forall x \in \mathbb{R}, (x^2 - 1) \neq x - 1$

C. $\exists n \in \mathbb{N}, n^2 + 1$ chia hết cho 4

D. $\exists x \in \mathbb{Q}, x^2 = 2001$

Câu 8: Câu nào dưới đây không phải là một mệnh đề?

A. 5 là số chẵn.

B. Hà Nội là thủ Đô của nước Việt Nam.

C. Trời hôm nay đẹp quá!

D. Nếu tổng $a + b$ chia hết cho 2 thì a và b là số chẵn.

Câu 9: Cho tập hợp $A = \{-1, -2, 0, 3, 4\}$ và $B = \{-3, -2, 1, 2, 5, 7\}$. Khi đó $A \setminus B$ là:

A. $\{-1, 0, 3, 4\}$ B. $\{-3, 1, 2, 5, 7\}$ C. $\{-2\}$ D. $\{-1, -2, -3, 1, 2, 3\}$

Câu 10: Cho M, N là các tập hợp tùy ý. Tìm mệnh đề đúng:

A. $(A \setminus B) \cup (B \setminus A) = (A \cup B) \setminus (A \cap B)$

B. $(A \setminus B) \cup B = A$

C. $A \cup B = B$

D. $A \cap B = A$

Đề kiểm tra 15 phút Toán 10 - Đề số 2

Câu 1: Cho tập $A = \{1, 2, 5, 7\}$ và $B = \{2, 3, 6, 7, 8\}$. Khi đó tập $A \cup B$ là:

A. $\{1; 5\}$ B. $\{2; 7\}$ C. $\{3, 6, 8\}$ D. $\{1, 2, 3, 5, 6, 7, 8\}$

Câu 2: Tập xác định của hàm số $y = \frac{\sqrt{2x-1}}{x^2-1}$

A. $x \geq \frac{1}{2}$

B. $x \geq \frac{1}{2}, x \neq 1$

C. $x \geq 1$

D. $x \neq \pm 1$

Câu 3: Trong các hàm số dưới đây, hàm số nào là hàm số lẻ?

A. $y = |x| - 1$

B. $y = x^4 + 2x^2 - 1$

C. $y = \frac{5x^2}{3}$

D. $y = x^3 + 8$

Câu 4: Đồ thị hàm số $y = x^2 - 3x + 5$ đi qua điểm nào sau đây?

A. (0,5)

B. $(-1, 1)$

C. $(4, 2)$

$$D(5,0)$$

Câu 5: Cho hàm số $y = \frac{1}{2}x + 3$ có đồ thị là đường thẳng d. Đường thẳng nào sau đây song song với đường thẳng d

A. $-x + 2y + 7 = 0$

B. $x - 2y + 7 = 0$

C. $2x - y + 1 = 0$

D. $-2x + y + 1 = 0$

Câu 6: Số tập con của tập $A = \{2, 4\}$ là

A. 4

B. 6

C. 5

D.3

Câu 7: Cho $A = (-\infty; 2]; B = [2; +\infty); C = (0; 3)$. Câu nào sau đây sai?

A. $A \cup B = \mathbb{R} \setminus \{2\}$

B. $B \cup C = (0; +\infty)$

C. $B \cap C = [2; 3)$

D. $A \cap C = (0; 2]$

Câu 8: Câu nào dưới đây không phải là một mệnh đề?

A. Nếu n là một số tự nhiên thì $2n + 1$ là một số chẵn

B. Hoa xinh quá!

C. 2020 là một số chính phương

D. 3,14 là một số hữu tỉ

Câu 9: Cho tập hợp $A = \{1, 2, 4, 5, 7, 8\}$ và $B = \{-2, -1, 0, 5, 6, 7, 8, 9\}$. Khi đó $A \setminus B$ là:

A. $\{-2, -1, 0, 6, 9\}$ B. $\{1, 2, 4\}$ C. $\{5, 7, 8\}$ D. $\{1, 2, 4, 5, 7, 8\}$

Câu 10: Cho M, N là hai tập hợp thì $(M \cap N) \cup M$ là

A. M B. $M \cup N$
C. N D. $M \setminus N$

Đề kiểm tra 15 phút Toán 10 - Đề số 3

Câu 1: Trong các câu sau câu nào là mệnh đề?

A. 5 là số nguyên tố B. $1 + a = b$
C. $x^2 - x + 2 = 0$ D. $2n - 1$ là số lẻ

Câu 2: Tập hợp nào sau đây khác tập rỗng?

A. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x^3 + 1 = 0\}$ B. $B = \{x \in \mathbb{Z} \mid x^2 - 5 = 0\}$
C. $C = \{x \in \mathbb{Q} \mid x^2 + 3x = 0\}$ D. $D = \{x \in \mathbb{R} \mid x^2 + x + 1 = 0\}$

Câu 3: Số các tập con có 2 phần tử của tập hợp $A = \{1, 2, 3, 4, 5, 6\}$

A. 12 B. 13 C. 14 D. 15

Câu 4: Cho mệnh đề P : “ $\sqrt{3}$ là một số vô tỉ”. Phủ định của mệnh đề P là mệnh đề:

A. $\sqrt{3}$ là số hữu tỉ B. $\sqrt{3}$ là số nguyên

C. $\sqrt{3}$ là số thựcD. $\sqrt{3}$ là số tự nhiên**Câu 5:** Điều kiện xác định của hàm số: $y = (x-1)\sqrt{2x-1}$ A. $x > \frac{1}{2}$ B. $x \geq \frac{1}{2}$ C. $x \neq \frac{1}{2}$ D. $x \in \mathbb{R}$ **Câu 6:** Cho $A = [-3, 1]$, $B = [2, +\infty)$, $C = (-\infty, -2)$. Câu nào sau đây đúng?A. $(A \cup B) \setminus C = (-\infty, 1)$ B. $A \cap B \cap C = \emptyset$ C. $A \cup B \cup C = \mathbb{R}$ D. $(A \cap B) \setminus B = (2, 1]$ **Câu 7:** Cho hai tập hợp $A = \{a, c, f, h, g, i\}$ và tập hợp $B = \{a, b, d, e, f, g\}$. Tập hợp $A \cap B$ là:A. $\{c, h, i\}$ B. $\{b, d, e\}$ C. $\{a, f, g\}$ D. $\{a, b, c, d, e, f, g, h, i\}$ **Câu 8:** Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào sau đây là mệnh đề **sai**?

A. Điều kiện cần để một tứ giác là một hình thang cân là tứ giác đó có hai đường chéo bằng nhau

B. Điều kiện đủ để số tự nhiên n chia hết cho 12 là n chia hết cho 2 và 6C. Điều kiện đủ để $n^2 - 1$ chia hết cho 12 là n là một số nguyên tố lớn hơn 3D. Với các số dương a và b , điều kiện cần và đủ để $\sqrt{a} + \sqrt{b} = \sqrt{2(a+b)}$ là $a = b$ **Câu 9:** Trong các hàm số dưới đây, hàm số nào là hàm số chẵn?A. $y = x^3 - x$ B. $y = x^2 - x - 1$ C. $y = x^4 + x^2 + 1$ D. $y = x^3 + x$ **Câu 10:** Các phần tử của tập hợp $A = \{x \in \mathbb{R} \mid x^2 + x + 1 = 0\}$

- A. $A = \{1, 2\}$ B. $A = \{1\}$ C. $A = \{0\}$ D. $A = \{\emptyset\}$

Đề kiểm tra 15 phút Toán 10 - Đề số 4

Câu 1: Trong các câu sau câu nào là mệnh đề?

- A. Số 2 có phải số chẵn không? B. Số 12 là số chẵn
C. $x^2 - 1 = 0$ D. $2n - 1$ là số lẻ

Câu 2: Tập hợp nào sau đây tập rỗng?

- A. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x^2 + 1 = 0\}$ B. $B = \{x \in \mathbb{Z} \mid x^2 - 3x + 1 = 0\}$
C. $C = \{x \in \mathbb{Q} \mid x^2 + 3x = 0\}$ D. $D = \{x \in \mathbb{R} \mid x^2 + x + 1 = 0\}$

Câu 3: Số các tập con có 3 phần tử của tập hợp $A = \{1, 2, 3, 4, 5, 6\}$

- A. 15 B. 18 C. 20 D. 22

Câu 4: Mệnh đề phủ định của mệnh đề “21 là hợp số” là mệnh đề:

- A. 21 không phải là hợp số B. 21 chia hết cho 3
C. 21 chia hết cho 7 D. 21 là số nguyên tố

Câu 5: Điều kiện xác định của hàm số: $y = \frac{2x^2 - 1}{x - 2}$

- A. $x \neq 2$ B. $x \geq 2$ C. $x \neq \frac{1}{2}$ D. $x \neq 0$

Câu 6: Cho $A = (-\infty, 1]$, $B = [1, +\infty)$, $C = (0, 1]$. Câu nào sau đây đúng?

- A. $(A \cap B) \setminus C = (0, 1]$ B. $A \cap B \cap C = \{1\}$

C. $A \cup B \cup C = \mathbb{R}$

D. $(A \cup B) \setminus C = B$

Câu 7: Cho hai tập hợp $A = \{0, 1, 2, 3, 4\}$ và tập hợp $B = \{2, 3, 4, 5, 6\}$. Tập hợp $A \setminus B$ là:

A. $\{0\}$

B. $\{0, 1\}$

C. $\{1, 5\}$

D. $\{1, 2\}$

Câu 8: Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào có mệnh đề đảo đúng?

A. Nếu một tứ giác là hình thang cân thì tứ giác đó có hai đường chéo bằng nhau.

B. Nếu mỗi số tự nhiên a, b chia hết cho 11 thì tổng a và b chia hết cho 11.

C. Nếu hai tam giác bằng nhau thì chúng có các góc tương ứng bằng nhau.

D. Nếu một tam giác không phải là tam giác đều thì nó có ít nhất một góc nhỏ hơn 60° .

Câu 9: Một số tự nhiên chia hết cho 5 thì:

A. Điều kiện cần là số đó có chữ số tận cùng bằng 0.

B. Số đó có chữ số tận cùng là số chẵn.

C. Điều kiện cần và đủ là số đó có chữ số tận cùng là 0.

D. Điều kiện đủ là số đó có chữ số tận cùng bằng 0.

Câu 10: Cho hai tập hợp $A = \{0, 1, 2, 3, 4\}$ và $B = \{2, 3, 4, 5, 6\}$. Tập hợp

$$(A \setminus B) \cap (B \setminus A)$$

A. $\{5, 6\}$

B. $\{0, 1\}$

C. $\emptyset$

D. $\{2, 3, 4\}$

Đề kiểm tra 15 phút Toán 10 - Đề số 5

Câu 1: Cho tập $A = \{a, b, e, g, h\}$ và $B = \{b, f, g, i, a, c\}$. Khi đó tập $B \setminus A$ là:

- A. $\{e, h\}$ B. $\{a, b, g\}$ C. $\{f, i, c\}$ D. $\{a, b, c, g, h\}$

Câu 2: Tập xác định của hàm số $y = \frac{\sqrt{x-4}}{x+5}$

- A. $x \geq 4$ B. $x \neq 5$
C. $x \neq -5$ D. $x \neq 4$

Câu 3: Trong các hàm số dưới đây, hàm số nào là hàm số chẵn?

- A. $y = x^2 + 1$ B. $y = x^2 - 2x - 1$
C. $y = x^4 + x + 2$ D. $y = x - |x|$

Câu 4: Đồ thị hàm số $y = x^4 - 2x^2 - 3$ đi qua điểm nào sau đây?

- A. $(1, -2)$ B. $(-1, 5)$ C. $(1, 5)$ D. $(-1, -5)$

Câu 5: Cho hàm số $y = 3 + 2x$ có đồ thị là đường thẳng d. Đường thẳng nào sau đây song song với đường thẳng d

- A. $2x - y = 1$ B. $-2x - y = 1$ C. $-2x + y = 1$ D. $2x + y - 1 = 0$

Câu 6: Số tập con của tập $A = \{x, y, z\}$ là

- A. 4 B. 6 C. 8 D. 10

Câu 7: Tìm mệnh đề đúng trong các mệnh đề sau:

- A. Bạn có chăm học không?
B. Hình bình hành có một góc vuông là hình vuông.

C. Trong một tam giác vuông, bình phương cạnh góc vuông bằng tổng bình phương hai cạnh góc vuông.

D. Hà thấp hơn Mai.

Câu 8: Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào đúng?

A. $\forall x \in \mathbb{Z}, \frac{2x^2 - 3x - 1}{x + 2} \in \mathbb{Z}$

B. $\forall x \in \mathbb{R}, x < 2 \Rightarrow x^2 < 4$

C. $\exists x \in \mathbb{N}, n^3 - n$ không chia hết cho 3

D. $\forall x, x^2 \leq 16 \Leftrightarrow -4 \leq x \leq 4$

Câu 9: Cho tập hợp $A = \{-1, -2, 0, 3, 4\}$ và $B = \{-3, -2, 1, 2, 5, 7\}$. Khi đó $A \cap B$ là:

A. $\{-1, 0, 3, 4\}$ B. $\{-3, 1, 2, 5, 7\}$ C. $\{-2\}$ D. $\{-1, -2, -3, 1\}$

Câu 10: Trong các câu sau, câu nào sai?

A. Phủ định của mệnh đề " $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 > x + 1$ " là mệnh đề " $\exists x \in \mathbb{R}, x^2 \leq x + 1$ "

B. Phủ định của mệnh đề " $\forall x \in \mathbb{N}^*, x^2 + x + 1$ là số nguyên tố" là mệnh đề " $\exists x \in \mathbb{N}^*, x^2 + x + 1$ là hợp số"

C. Phủ định của mệnh đề " $\exists x \in \mathbb{Z}, \frac{3x}{x^2 + 1} \leq 1$ " là mệnh đề " $\forall x \in \mathbb{Z}, \frac{3x}{x^2 + 1} > 1$ "

D. Phủ định của mệnh đề " $\exists x \in \mathbb{Q}, x^2 - 3 = 0$ " là mệnh đề " $\forall x \in \mathbb{Q}, x^2 \neq 3$ "

Đáp số: Đề kiểm tra 15 phút – Đề số 1

1.B	2.D	3.B	4.C	5.A
6.C	7.A	8.C	9.A	10.A

Đáp số: Đề kiểm tra 15 phút – Đề số 2

1.D	2.C	3.D	4.A	5.B
6.A	7.A	8.B	9.B	10.A

Đáp số: Đề kiểm tra 15 phút – Đề số 3

1.A	2.C	3.D	4.A	5.B
6.B	7.C	8.A	9.C	10.D

Đáp số: Đề kiểm tra 15 phút – Đề số 4

1.B	2.D	3.C	4.A	5.A
6.A	7.B	8.D	9.D	10.C

Đáp số: Đề kiểm tra 15 phút – Đề số 5

1.C	2.A	3.A	4.D	5.C
6.C	7.C	8.D	9.C	10.B



Thư viện Đề thi - Trắc nghiệm - Tài liệu học tập miễn phí

Xem thêm tài liệu tham khảo tại: [Tài liệu học tập lớp 10](#)

